

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **358/2025/DS-PT**

Ngày 19/9/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết, bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - tỉnh Đắk Lắk) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 341/2025/QĐPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 322/2025/QĐ-PT ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bạch Thị H, sinh năm 1988; Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã M1, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981 (theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2025); Có mặt.

Nơi thường trú: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk); Chỗ ở hiện nay: Buôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã M, tỉnh Đắk Lắk).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn S1, sinh năm 1993; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).

3. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:**

Vào ngày 18/10/2024, ông Phan Văn S1 có vay của bà Bạch Thị H số tiền 1.500.000.000 đồng, số tiền được chuyển khoản vào số tài khoản 1150125619999 ngân hàng Q (MB) chủ tài khoản là ông Phan Văn S1. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 18/10/2024, lãi suất thỏa thuận miệng là 20%/năm. Sau khi

quá hạn trả nợ, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông S1 trả tiền nhưng ông S1 luôn trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn S1 phải trả cho bà Bạch Thị H số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/11/2024 đến ngày 03/02/2025 với mức lãi suất theo thỏa thuận là 20%/năm là 98.630.000 đồng và lãi 10%/năm tính từ ngày 04/02/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/5/2025 là 47.671.232 đồng. Và tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 31/5/2025 cho đến khi trả hết nợ là 10%/năm.

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Phan Văn S1 trình bày:**

Vào ngày 18/10/2024, ông Phan Văn S1 có vay của bà Bạch Thị H số tiền 1.500.000.000 đồng, số tiền được chuyển khoản vào số tài khoản 1150125619999 ngân hàng Q (MB) chủ tài khoản là ông Phan Văn S1. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 18/10/2024, lãi suất thỏa thuận miệng là 4,5%/tháng.

Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đến hạn trả nợ ông S1 không trả cho bà H được khoản tiền gốc và lãi nào. Đến ngày 25/12/2024, ông S1 mới trả được cho bà H được tổng số tiền là 1.455.000.000 đồng, trả bằng hình thức chuyển khoản 04 lần vào tài khoản của bà H. Trong đó, chuyển khoản lần 1 số tiền 155.000.000 đồng là tiền lãi (nhưng gọi là tiền phí), lần 2 chuyển số tiền 499.999.999 đồng trả tiền gốc, lần 3 chuyển số tiền 499.999.999 đồng trả tiền gốc và lần 4 chuyển số tiền 300.000.000 đồng trả tiền gốc, sau khi chuyển trả số tiền này bà H còn nhắn tin lại cho ông S1 với nội dung “*C nhận 1ty3. Em còn nợ lại chị 200tr nha*”. Như vậy, bà H đã xác nhận vào thời điểm ngày 25/12/2024, sau khi trừ 155.000.000 đồng tiền lãi và 1.300.000.000 đồng tiền vay gốc, ông S1 chỉ còn nợ bà H 200.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay 1.500.000.000 đồng vào ngày 18/10/2024.

Trước đây, ông S1 và bà H có vay mượn tiền lẫn nhau nhưng chưa có vay khoản nào số tiền 1.500.000.000 đồng và ông S1 đã trả xong cho bà H các khoản vay này. Đối với khoản vay 1.500.000.000 đồng ngày 18/10/2024 là khoản vay cuối cùng giữa ông S1 và bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông S1 phải trả số tiền vay ngày 18/10/2024 là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/11/2024 đến ngày 03/02/2025 với mức lãi suất là 20%/năm là 98.630.000 đồng và mức lãi 10%/năm tính từ ngày 04/02/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/5/2025 là 47.671.232 đồng thì ông S1 không đồng ý. Ông S1 chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền còn nợ gốc còn lại đến ngày 25/12/2024 là 200.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 26/12/2024 cho đến ngày 03/02/2025 là: $(200.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 37 \text{ ngày}) / 365 \text{ ngày} = 4.054.749 \text{ đồng}$ và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm như bà H yêu cầu từ ngày 04/02/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2025 là: $(200.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 116 \text{ ngày}) / 365 \text{ ngày} = 6.356.164 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi tính từ ngày 26/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/5/2025 là 10.410.958 đồng.

Đối với việc trước đây ông S1 trình bày khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 20%/năm là do thấy bà H khởi kiện theo mức lãi suất 20%/năm là lãi suất theo quy định của pháp luật nên ông S1 cũng khai nhận mức lãi suất 20%/năm. Còn thực tế là khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 4,5%/tháng, do thỏa thuận miệng nên ông S1 không có chứng cứ để cung cấp Tòa án mà chỉ thể hiện ở việc ngày 25/12/2024 ông S1

chuyển khoản cho bà H 155.000.000 đồng tiền phí, tức là tiền lãi từ ngày 18/10/2024 đến ngày 25/12/2024.

Đối với việc, bà H cho rằng ông S1 đã vay mượn của bà H rất nhiều lần (thể hiện bằng các tài liệu sao từ zalo do ông S cung cấp nhằm để chứng minh là ông S1 vay tiền bà H nhiều lần chứ không phải 1 lần vào ngày 18/10/2024, đối với số tiền 1.500.000.000 đồng) và việc ông S cho rằng vào ngày 25/12/2024 ông S1 đã trả cho bà H số tiền 1.455.000.000 đồng là trả cho khoản vay khác, không phải trả cho khoản vay của khoản vay 1.500.000.000 đồng ngày 18/10/2024 là không đúng. Ông S1 yêu cầu bà H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho rằng ông S1 trả số tiền 1.455.000.000 đồng cho khoản vay khác là khoản vay nào.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị H.

Buộc ông Phan Văn S1 phải trả cho bà Bạch Thị H số tiền nợ là 210.410.958 đồng (Hai trăm mười triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 10.410.958 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên **bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận** nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.*

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị H đối với việc buộc ông Phan Văn S1 phải trả số tiền 1.435.890.274 (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi nghìn, hai trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi 135.890.274 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2025 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và đánh giá chứng cứ. Hoặc sửa án sơ thẩm buộc bị đơn ông Phan Văn S1 phải trả cho bà Bạch Thị H toàn bộ số tiền 1.500.000.00 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 19/10/2024 đến khi xét xử.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Kể từ thời điểm thụ lý vụ án, đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn thấy rằng: Ngày 18/10/2024, ông Phan Văn S1 có vay của bà Bạch Thị H số tiền 1.500.000.000 đồng, khi vay thì hai bên có lập giấy mượn tiền với nhau nhưng không

ghi rõ lỗi suất. Nội dung này được các bên thừa nhận nên không cần chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông S1 cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm các chứng cứ chứng minh, đến ngày 25/12/2024, ông S1 trả cho bà H được tổng số tiền là 1.455.000.000 đồng, trả bằng hình thức chuyển khoản 04 lần vào tài khoản của bà H. Trong đó, chuyển khoản lần 1 số tiền 155.000.000 đồng là tiền lãi (nhưng gọi là tiền phí), lần 2 chuyển số tiền 499.999.999 đồng trả tiền gốc, lần 3 chuyển số tiền 499.999.999 đồng trả tiền gốc và lần 4 chuyển số tiền 300.000.000 đồng trả tiền gốc, sau khi chuyển trả số tiền này bà H còn nhắn tin lại cho ông S1 với nội dung “C nhận 1ty3. Em còn nợ lại chị 200tr nha”. Như vậy, bà H đã xác nhận vào thời điểm ngày 25/12/2024, sau khi trừ 155.000.000 đồng tiền lãi và 1.300.000.000 đồng, ông S1 chỉ còn nợ bà H 200.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay 1.500.000.000 đồng vào ngày 18/10/2024 là có căn cứ. Bà H cho rằng số tiền 1.455.000.000 đồng mà ông S1 trả cho bà H vào ngày 25/12/2024 là trả cho khoản vay khác, tuy nhiên bà H không có tài liệu chứng minh cho ý kiến trình bày của mình. Do đó, Bản án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà của nguyên đơn bà Bạch Thị H, buộc ông Phan Văn S1 phải trả cho bà Bạch Thị H số tiền nợ là 210.410.958 đồng, trong đó nợ tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 10.410.958 đồng là có căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bạch Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - tỉnh Đắk Lắk).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bị đơn ông Phan Văn S1 chưa trả được khoản tiền gốc và lãi nào trong khoản vay 1.500.000.000 đồng theo giấy vay ngày 18/10/2024, còn đối với số tiền 1.455.000.000 đồng mà ông S1 trả cho bà H vào ngày 25/12/2024 là trả cho khoản vay khác chứ không phải khoản vay 1.500.000.000 đồng vào ngày 18/10/2024. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Bạch Thị H và bị đơn ông Phan Văn S1 đều thừa nhận vào ngày 18/10/2024, ông Phan Văn S1 có vay của bà Bạch Thị H số tiền 1.500.000.000 đồng, theo giấy mượn tiền đề ngày 18/10/2024. Số tiền vay được bà H chuyển khoản vào tài khoản số 1150125619999 ngân hàng Q (MB) chủ tài khoản là ông Phan Văn S1 là có thật. Do đó, phát sinh hiệu lực của hợp đồng vay và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng vay.

[2.2] Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Phan Văn S1 cung cấp được các tài liệu chứng cứ thể hiện: Ngày 25/12/2024, ông S1 trả cho bà H được tổng số tiền là 1.455.000.000 đồng, trả bằng hình thức chuyển khoản 04 lần vào tài khoản của bà H (Tại các Bút lục 51-55). Cụ thể: Vào lúc 15 giờ 29 phút chuyển khoản lần 1 số tiền

155.000.000 đồng (ghi là tiền phí); Vào lúc 15 giờ 37 phút chuyển lần 2 số tiền 499.999.999 đồng trả tiền gốc; Vào lúc 15 giờ 39 phút chuyển lần 3 số tiền 499.999.999 đồng trả tiền gốc và vào lúc 15 giờ 40 phút chuyển số tiền 300.000.000 đồng trả tiền gốc. Sau khi chuyển trả số tiền này bà H còn nhắn tin lại cho ông S1 với nội dung “C nhận 1ty3. Em còn nợ lại chỉ 200tr nha”. Thấy rằng, các nội dung trên zalo liên lạc thể hiện số tiền chuyển khoản mà bị đơn ông S1 cung cấp là phù hợp với nội dung Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có, được Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ - Phòng G xác nhận ngày 26/3/2025. Do đó, có căn cứ xác định vào ngày 25/12/2024, sau khi trừ 155.000.000 đồng với nội dung tiền phí và số tiền 1.300.000.000 đồng gốc thì ông S1 còn nợ lại bà H 200.000.000 đồng gốc trong khoản vay 1.500.000.000 đồng ngày 18/10/2024 là có cơ sở.

[2.3] Đối với số tiền 1.455.000.000 đồng mà ông S1 trả cho bà H vào ngày 25/12/2024, trong đó có số tiền 155.000.000 đồng ông S1 ghi chuyển trả tiền phí, sau đó bà H xác nhận lại với nội dung “Gốc có chưa e”, như vậy các bên đã thừa nhận số tiền 155.000.000 đồng là tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản tiền trên là khoản tiền trả lãi cho số tiền vay 1.500.000.000 đồng gốc ngày 18/10/2024 là có căn cứ. Tuy nhiên, đối chiếu thời gian từ ngày vay 18/10/2024 đến ngày trả nợ 25/12/2024 là 02 tháng 7 ngày với số tiền lãi suất được tính 155.000.000 đồng tương đương với mức lãi suất 4,6%/tháng là vượt quá lãi suất tối đa được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến mức lãi suất theo quy định của pháp luật để tính toán và khấu trừ đối với số tiền lãi mà bị đơn đã trả vượt quá mức lãi suất quy định cho nguyên đơn để khấu trừ vào số tiền gốc cho bị đơn, mà chỉ nhận định việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện nên không đặt ra giải quyết, đồng thời tính tiền lãi 20%/năm từ ngày 26/12/2024 đến ngày 03/02/2025 và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 04/02/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/5/2025 đối với số tiền 200.000.000 đồng gốc là 10.410.958 đồng. Thấy rằng, cách xác định tiền lãi của Tòa án cấp sơ thẩm là không phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Trong trường hợp này, do nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên mức tiền lãi được xác định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nhận thấy, cách tính lãi và nhận định của Tòa án sơ thẩm làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn là ông Phan Văn S1 không có kháng cáo về việc tính lãi đối với khoản vay trên của Tòa án cấp sơ thẩm nên trong phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại khoản tính lãi, mà cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn bà Bạch Thị H xác định số tiền 1.455.000.000 đồng mà ông S1 trả cho bà H vào ngày 25/12/2024 là trả cho khoản vay khác. Tuy nhiên, nguyên đơn bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh để xác định số tiền này là để ông S1 trả cho bà H trong khoản tiền vay khác. Do đó, xét kháng cáo của nguyên đơn cho rằng bị đơn ông Phan Văn S1 chưa trả được khoản tiền gốc và lãi nào trong khoản vay 1.500.000.000 đồng ngày 18/10/2024 là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bạch Thị H, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - tỉnh Đắk Lắk).

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên bà Bạch Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bạch Thị H; Giữ nguyên phần quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - tỉnh Đắk Lắk).

[2] Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1,2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Thị H:

Buộc ông Phan Văn S1 phải trả cho bà Bạch Thị H số tiền nợ là 210.410.958 đồng (*Hai trăm mười triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 10.410.958 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị H về việc buộc ông Phan Văn S1 phải trả số tiền 1.435.890.274 (*Một tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền nợ lãi 135.890.274 đồng.

[2.3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Văn S1 phải chịu **10.520.547** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn bà Bạch Thị H phải chịu 55.076.708 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 29.979.450 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000948 ngày 03/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Đắk Lắk). Bà H còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.097.258 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bạch Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp (ông Nguyễn Thanh S nộp thay), tại biên lai số: AA/2023/0001282 ngày 26/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Đắk Lắk).

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND
- Tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 7 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 7 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Danh Đại